

# Tăng cường sự tự tin giúp cải thiện kỹ năng nói cho sinh viên năm thứ ba ngành ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Bạc Liêu

Trương Thị Như Ý\*

\*ThS. Trường Đại học Bạc Liêu

Received: 8/05/2024; Accepted: 16/05/2024; Published: 28/5/2024

**Abstract:** Speaking is one of four important skills in learning a foreign language, specifically English. To speak English well, the speaker needs to have knowledge or skills to communicate effectively. Important factors contributing to good speaking include not only vocabulary, grammatical structures or social knowledge, but also confidence when presenting a certain issue. For most Vietnamese students, speaking fluently, clearly and confidently in English is a difficult problem because this language is taught as a foreign language. Students at Bac Lieu University are of no exception, specifically third-year students majoring in English Language. They are always nervous and timid when speaking even though they are encouraged a lot. This psychological factor is a huge barrier to proficient communication. Therefore, in order to effectively teach and learn English speaking, teachers must clearly understand the psychology of students. Through this article, the author points out the limitations in speaking classes, and proposes a few solutions to increase students' confidence, helping them overcome obstacles when learning speaking skills.

**Keywords:** Confidence, speaking skills, improvement, solutions, English majors

## 1. Đặt vấn đề

Tự tin được thể hiện trong học tập, đó là khi chúng ta gặp một đề khó nếu như người nhút nhát không tin vào khả năng mình thì nhìn câu hỏi đã thấy sợ và không thể tìm ra đáp án. Thế nhưng đối với người tự tin vào khả năng của mình thì họ sẽ bình tĩnh trước câu hỏi khó đấy sau đó tìm cách trả lời theo những gì mình đã được học. Bởi vì khi không tin tưởng vào khả năng của mình thì khi thấy vấn đề khó ta bị yếu tố tinh thần chi phối khiến không thể nhớ được gì cả. Còn khi người ta tự tin vào bản thân mình thì ta sẽ thoải mái tinh thần, bình tĩnh nhớ lại những kiến thức mình đã được học và giải quyết theo trình tự. Có thể nói tự tin là một bí quyết để dẫn tới thành công. Hay cả trả lời câu hỏi của giáo viên trên lớp, sự khác biệt của tự tin và nhút nhát nó khác nhau rất nhiều. Khi người tự tin đứng lên thì sẽ dũng dạc trả lời trong khi người nhút nhát thì dẫu có kiến thức vẫn cứ bị run nói ấp úng và không gãy gọn. Các đặc trưng của kỹ năng nói: Theo Louma (2004), hoạt động nói của người học nên được đánh giá dựa trên sự tương đương giữa mức độ trôi chảy và độ chính xác. Cả sự trôi chảy và độ chính xác đều là những yếu tố quan trọng trong giao tiếp.

**Độ trôi chảy:** Theo Littlewood (2007), lưu loát là khả năng người học nói một cách dễ hiểu để không làm gián đoạn quá trình giao tiếp vì người nghe có thể mất hứng thú. Còn theo Hedge (2000) cho rằng sự lưu loát là khả năng trả lời mạch lạc bằng cách kết nối các

từ và cụm từ, phát âm rõ ràng, sử dụng trọng âm và ngữ điệu. Trong giảng dạy kỹ năng nói, GV đều đặt ra mục tiêu chung cần đạt được đó là khả năng nói trôi chảy, mạch lạc vì đây là đặc điểm quan trọng khi trình bày. Độ lưu loát còn là khả năng biết kết hợp từ, câu và ý tưởng với nhau một cách hiệu quả theo cách phù hợp để diễn đạt một cách dễ hiểu vấn đề đang nói đến.

### Độ chính xác

Độ chính xác cũng là một khía cạnh vô cùng quan trọng trong đánh giá kỹ năng nói một ngôn ngữ bất kỳ. Người học cần chú ý đầy đủ đến tính chính xác và đầy đủ của hình thức ngôn ngữ khi nói như chú trọng vào cấu trúc ngữ pháp, từ vựng và cách phát âm (Thornbury, 2005).

- Ngữ pháp: gồm kiến thức và khả năng sử dụng các cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp (cấu trúc câu, liên kết câu, cấu trúc từ, sắp xếp từ loại trong câu...)

- Từ vựng: gồm kiến thức và khả năng sử dụng từ vựng: từ đơn, từ ghép, thành ngữ và từ loại ngữ pháp (mạo từ, đại từ, từ chỉ chỗ, từ chỉ số lượng...)

- Ngữ âm: gồm kiến thức và khả năng nhận biết và sử dụng các âm vị, cấu tạo ngữ âm của từ (kết hợp âm tiết, nhân từ...), ngữ điệu của câu (nhịp điệu của câu, nói âm...).

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Thực trạng dạy kỹ năng nói

#### 2.1.1. Giáo trình giảng dạy

SV năm thứ ba chuyên ngành Ngôn Ngữ Anh tại



trường Đại học Bạc Liêu được giảng dạy với giáo trình IELTS Advanced Speaking and Listening Skills của tác giả Jon Marks. Với cuốn sách này, SV được tiếp cận với hình thức thi nói và nghe trình độ IELTS. Cuốn sách được chia làm 2 phần: Nói, và Nghe.

Nội dung phần Nói có 5 điểm nổi bật:

Giải thích cấu trúc bài thi và các mẹo giúp người đọc dự đoán

Ngữ pháp, từ vựng, cụm từ và cách diễn đạt liên quan đến những chủ đề đặc trưng

Kiểm tra kỹ năng và chiến thuật cho bài thi

Cơ hội để học sinh thực hành nói theo cấu trúc bài thi

Audio mẫu

Nội dung của phần Listening có 3 đặc trưng:

Giải thích cấu trúc bài thi và các tips giúp người đọc dự đoán

Phát triển chiến thuật nghe và lấy thông tin cần thiết cho các câu trả lời

Tài liệu nghe đi kèm audio

Bố cục cuốn sách:

Units 1 và 2: Tập trung vào bài Speaking part 1. Phần này tập trung vào các chủ đề thân thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Units 3 đến 7: Các phần nội dung dựa trên Part 1 để hướng đến Part 2 của bài thi, sau đó mở rộng hơn đến Part 3. Units 8 và 9: Listening

Một số đặc điểm của phần Nói trong cuốn sách:

Thử trước! Trước khi bắt đầu vào học, người học được khuyến khích là nói luân phiên về chủ đề này. Nó sẽ giúp họ nhìn nhận ra điểm mạnh và điểm yếu của mình, từ đó hiểu mình cần cải thiện như thế nào.

Spotlight: Giải thích và thực hành ngữ pháp, từ vựng, cụm từ và cách diễn đạt mà nó hữu ích cho bài thi nói về chủ đề của bài học cùng các dạng đặc thù của bài thi nói IELTS

Exam Skills: Kỹ năng và chiến thuật để cải thiện câu trả lời. Chúng sẽ giúp người học đưa ra những câu trả lời phức tạp hơn để thể hiện hết khả năng sử dụng ngôn ngữ của mình.

Prepare and practice (Chuẩn bị và thực hành) Các hoạt động để tổ chức và phát triển ý, từ đó người học sẽ có nhiều thứ để nói về chủ đề được đưa ra. Thực hành luân phiên theo nhóm tương tự như trong bài thi thật, mục đích để sử dụng ngôn ngữ được học trong bài nhiều nhất có thể.

Nghe: Nghe để lấy thông tin từ bài nói trong audio. So sánh với phần trả lời của mình để học nhiều hơn những ý hữu ích và các chiến thuật

Phát âm: Các nhiệm vụ phải làm và gợi ý giúp tăng phần này trong bài thi nói

Tips: Lời khuyên và thông tin để cải thiện phần nói trong kỳ thi thật

Check and challenge: Hoạt động để xem lại nội dung đã được học trong bài, thêm gợi ý cho việc học thêm và phát triển các kỹ năng.

4 bài thi nói và bài tập thực hành nhóm

### 2.1.2. Vấn đề SV thường gặp

Dù là SV năm ba với lượng kiến thức và kỹ năng đã khá thuần thục, nhưng trên thực tế điều khiến tác giả cảm thấy rất băn khoăn lo lắng chính là chưa thấy được sự tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh. Đa số các em rất ngại mở miệng để đối đáp hoặc tương tác với GV và các bạn cùng lớp trong suốt giờ học nghe nói. SV luôn ở trong tâm thế lo sợ bị mời lên trả lời những câu hỏi theo mỗi bài học, sợ chia sẻ quan điểm cá nhân trong các phần thảo luận nhóm. Do vậy, GV rất khó tiếp cận để nắm bắt được quan điểm của SV về nội dung của bài học. Mỗi lần SV được mời đưa ra ý kiến về một vấn đề nghị luận xã hội nào đó, GV thường bắt gặp ánh mắt nhìn thiếu tự tin, hay nhìn xung quanh không tập trung vào người nghe với cách nói ấp úng, ngập ngừng khi trả lời câu hỏi. Điều này vô tình tạo ra không khí không thoải mái cho cả người nghe và người trình bày. Tâm lý này gây ra hiện tượng SV liên tục mắc lỗi sai về cấu trúc ngữ pháp và từ vựng, do vậy càng làm cho họ mất tự tin hơn nên lưỡng lự cho những lần phát biểu về sau.

## 2.2. Biện pháp nâng cao sự tự tin cho SV trong kỹ năng nói

### 2.2.1. Về phía GV

#### 2.2.1.1. Khen ngợi kịp thời

Yếu tố cảm xúc rất quan trọng trong mỗi giờ học, đặc biệt là giờ học nói. Cảm xúc tích cực giúp SV tự tin, mạnh dạn hơn, có hứng thú hơn trong các hoạt động nói.

#### Bảng lời nói

Ca dao tục ngữ có câu rất sâu sắc: “lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. Lời khen, lời nói tốt đẹp từ GV sẽ mang lại giá trị tích cực trong quá trình giảng dạy. Câu nói này có thể áp dụng trong cách giảng dạy kỹ năng nói để thúc đẩy sự tự tin cho SV, giúp họ thấy được sự đồng cảm, sự khích lệ từ phía GV để làm giảm cảm giác căng thẳng trong giờ học. Với tâm lý thoải mái, SV sẽ thấy dễ dàng trong việc tham gia các hoạt động nói trên lớp. Dưới đây là một vài lời khen ngợi khi nghe ai đó nói bằng tiếng Anh:

*Good/great job!*

*Perfect! Wonderful! Excellent!*

*You're right!*

*That's a great/good idea!*

#### Bảng điểm số

SV đến với môi trường đại học dù mục tiêu chính là chinh phục lượng kiến thức cần có, nhưng một điều

quan trọng không kém chính là điểm số đạt được đối với từng học phần trong cả chương trình đào tạo và chất lượng của tấm bằng đại học sau khi tốt nghiệp. Với điểm số thấp cho một học phần bất kỳ sẽ kéo theo thành tích tiêu cực cho điểm tích lũy của cả học kỳ. Nắm được tâm lý này, GV cần tập trung khích lệ SV bằng cách tặng thêm điểm đóng góp xây dựng bài trên lớp để SV thấy rằng nỗ lực, cố gắng của mình luôn được nhìn nhận từ phía GV, giúp họ có thêm động lực để nói tiếng Anh và tâm lý thoải mái hơn khi đón nhận ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ. Với những lần trả lời câu hỏi hoặc đóng góp ý kiến trên lớp, GV có thể tặng thêm điểm, chẳng hạn 0,1 hoặc 0,2 cho mỗi lần phát biểu. Với điểm số khích lệ này, SV sẽ hăng say hơn, tham gia các hoạt động trên lớp nhiều hơn. Như vậy, phát biểu với tần suất dày hơn, SV sẽ càng ngày càng tự tin hơn trong các hoạt động nói.

#### 2.2.1.2. Trò chuyện với SV sau giờ học

Ngoài các biện pháp nêu trên, khía cạnh tâm lý cũng cần được chú trọng trong việc nâng cao sự tự tin cho SV trong nâng cao kỹ năng nói. GV cũng nên dành một khoảng thời gian để nói chuyện với SV của mình sau giờ học để hiểu được những khó khăn mà SV đang đối mặt khi học nói Tiếng Anh cũng như mong muốn của họ đối với GV. Như vậy thầy và trò sẽ hiểu nhau hơn để SV có tâm lý thoải mái nhất trong quá trình học nói Tiếng Anh.

#### 2.2.2. Về phía SV

Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, SV phải là người chủ động trong tất cả các hoạt động mà GV đề ra. Họ phải thể hiện tính tích cực cần có để chủ động lĩnh hội kiến thức từ phía GV. Ngoài các hoạt động trên lớp, SV cần rèn sự tự tin thông qua các hoạt động ngoài lớp, một hoạt động điển hình là chuyến giao lưu, kết nối với SV ngoài trường. Một ví dụ điển hình cho thấy sự tự tin của SV được cải thiện lên rất nhiều là buổi giao lưu với tên gọi “Cultural Discovery Camp” với SV trường vào giữa tháng 3/2024 vừa qua. SV được chia theo nhóm 6 người để hoạt động. Mỗi nhóm gồm 3 thành viên đến từ trường Đại học Bạc Liêu và 3 thành viên còn lại từ trường Đại học Sư phạm Kỹ Thuật TpHCM Các nhóm SV được giao nhiệm vụ làm một đoạn video giới thiệu về các danh thắng ở Bạc Liêu. Thông qua buổi giao lưu này, SV được làm quen với bạn mới với tâm thế cởi mở, gần gũi giữa bạn bè đồng trang lứa. Họ thoải mái trò chuyện, thảo luận bằng tiếng Anh thông qua hoạt động nhóm. SV cũng học được thêm nhiều kiến thức mới cũng như tính năng động, tự tin của SV trường bạn. do vậy, tác giả nhận thấy SV cần tích cực tham gia những phong trào như vậy để ngày càng phá bỏ sự nhút nhát của bản

thân trong các hoạt động nói. Nhờ vậy, sự tự tin được sẽ dần được lan tỏa mạnh mẽ hơn trong SV thông qua các hoạt động ngoài giờ, nơi mà họ không bị gò bó bởi những quy định của trường lớp.

### 3. Kết luận

Sự tự tin là một trong những yếu tố chen chốt có ảnh hưởng đến sự tiến bộ của người học trong quá trình học Tiếng Anh nói chung và kỹ năng nói nói riêng. Do vậy, cả người dạy và người học cần phải chú ý đến tầm quan trọng của yếu tố này để đạt được nhiều thành công trong giao tiếp. Về phía người dạy, giáo viên cần phải tạo cho học sinh môi trường học tập vui vẻ, thoải mái, luôn khuyến khích, động viên, hướng dẫn tận tâm trong suốt quá trình học; thiết kế các hoạt động nói phù hợp cho SV. Về phía người học, họ cần phải nâng cao ý thức của bản thân về tầm quan trọng của việc thực hành nói hàng ngày để nâng cao trình độ cũng như tính chủ động và tự tin của mình và khiến họ trở nên mạnh dạn hơn trong giao tiếp. Tác giả hy vọng bài viết này sẽ phần nào đưa ra gợi ý hữu ích cho GV trong việc nâng cao tính tự tin cho SV chuyên ngữ, giúp họ nâng cao kỹ năng nói cho bản thân để đạt được nhiều thành công hơn nữa trong giao tiếp sau này.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Bryson, B. (2003). *Mother tongue*. Texas: Harper collins.
- [2] Hedge, T. (2000). *Teaching and Learning in the Language Classroom*. Oxford: Oxford University Press.
- [3] Littlewood, W. (2007). *Communicative Language Teaching*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [4] Luoma, S. (2004). *Assessing speaking*. Cambridge, England: Cambridge University Press.
- [5] MacIntyre, P. D., Clement, R., Dornyei, Z., & Noels, K. A. (1998). Conceptualizing willingness to communicate in a L2: A situational model of L2 confidence and affiliation. *Modern Language Journal*, 82, 545-562.
- [6] Nguyễn Thanh Vân, (2012), Năng lực giao tiếp và vấn đề giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành trong thời hội nhập. *Ngôn ngữ & Đời sống*, 3, 197.
- [7] Nunan, D. (2003). *Collaborative language learning and teaching*. Cambridge, England: Cambridge University Press. Cambridge University Press.
- [8] Thornbury, S. (2005). *How to Teach Speaking*. Harmer, J. (Ed). London: Longman
- [9] Ur, P. (1996), *A course in language teaching: Practice and Theory*, Cambridge, London.